

Số: 1981/NMĐTB2-KTATMT  
V/v cung cấp báo giá gia công phục hồi khẩn  
hư hỏng cánh bơm nước cấp turbine A tổ  
máy 1

Thái Bình, ngày 14 tháng 11 năm 2024

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang có nhu cầu triển khai gia công phục hồi khẩn hư hỏng cánh bơm nước cấp turbine A tổ máy 1. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc gia công phục hồi các vật tư tương tự cho các Nhà máy Nhiệt điện, đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá gia công phục hồi khẩn hư hỏng cánh bơm nước cấp turbine A tổ máy 1 với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
  - ✓ Như phụ lục 1 đính kèm
- Vật tư gia công phục hồi đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng.
- Tiến độ gia công phục hồi và cung cấp đến nhà máy: Nhà cung cấp đề xuất nhưng không muộn hơn 4 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- Hiệu lực báo giá: 30 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: không muộn hơn 15h00 ngày 16/11/2024.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp qua bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
- Thông tin liên hệ:
  - ✓ Người nhận: Đặng Quang Duyệt, Phòng KTATMT;
  - ✓ Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
  - ✓ Số điện thoại liên hệ: 0978445461; Email: [duyetdq@pvpgeb.vn](mailto:duyetdq@pvpgeb.vn); [hungbb@pvpgeb.vn](mailto:hungbb@pvpgeb.vn).

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CNPĐ DK (để b/c);
- GĐ NM (để b/c);
- Phòng: KHTC (để t/h);
- Lưu: VT, KTATMT (Đ.Q.D: b).

**Đính kèm:**

- Phụ lục 1 (Phạm vi công việc);
- Hình ảnh hư hỏng cánh bơm;
- Bản vẽ bơm nước cấp chính;

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK  
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Chung

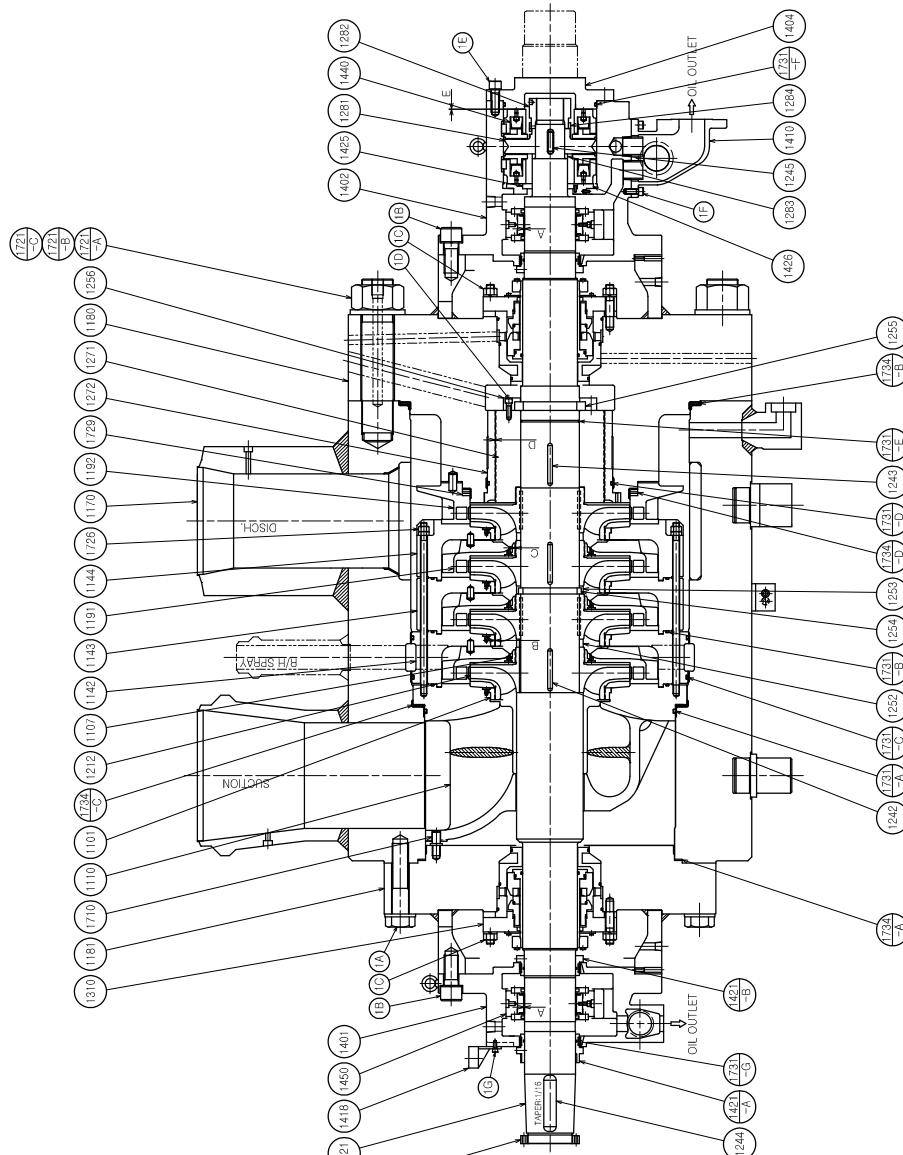


| PL1: PHẠM VI CÔNG VIỆC GIA CÔNG PHỤC HỒI KHẨN HƯ HỒNG CÁNH BƠM NƯỚC CẤP TURBINE A TỔ MÁY 1-NMND THÁI BÌNH 2<br>(Đính kèm công văn số /PT-KTATMT, ngày / 11 /2024) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                          |             |          |         |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
| STT                                                                                                                                                               | Tên vật tư/Công việc thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thông số kỹ thuật                                                                                                        | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
| 1                                                                                                                                                                 | Gia công thay mới vòng mòn của vỏ cánh số 2 (Chi tiết 1143 – Inter casing(2ND STG))                                                                                                                                                                                                                                | Inter casing(2ND STG) Chi tiết số 1143<br>Vật liệu SUS-420J2                                                             | Cái         | 1        |         |
| 2                                                                                                                                                                 | Gia công thay mới vòng mòn của cánh động cánh số 2 (chi tiết 1212 Impeller (2ND))                                                                                                                                                                                                                                  | Impeller (2ND) Chi tiết số 1212<br>Vật liệu SUS-420J2                                                                    | Cái         | 1        |         |
| 3                                                                                                                                                                 | Gia công thay mới vòng mòn của tầng cánh tĩnh cánh số 2 (chi tiết 1191 Guide Vane(Sereies))                                                                                                                                                                                                                        | Guide Vane(Sereies) Chi tiết số 1191<br>Vật liệu SUS-420J2                                                               | Cái         | 1        |         |
| 4                                                                                                                                                                 | Gia công thay mới bu lông định vị hãm vòng mòn của vỏ cánh số 2,cánh động số 2, cánh tĩnh số 2 (Chi tiết 1143,1212,1191)                                                                                                                                                                                           | Bu lông định vị hãm vòng mòn vỏ cánh số 2,động cánh số 2, tĩnh cánh số 2 (Chi tiết 1143,1212,1191)<br>Vật liệu SUS-420J2 | Cái         | 11       |         |
| 5                                                                                                                                                                 | Hàn cánh hướng dòng của vỏ cánh số 2 Chi tiết 1143 – Inter casing(2ND STG) bị xâm thực<br>Hàn cánh hướng dòng mặt ngoài của cánh tĩnh số 2 (chi tiết 1191 Guide Vane (Sereies)) bị vỡ nứt vỡ<br>Siêu âm tất cả các mối hàn sau phục hồi<br>Vệ sinh bề mặt lắp ghép cánh động, cánh tĩnh lắp ráp căn chỉnh bàn giao |                                                                                                                          | Bộ          | 1        |         |





1000-250-81 H-1B-C7000-201 (Rev. 025-201)



| NO.    | DESCRIPTION                 | QTY    | APPLICABLE CODE | EQUIVALENT TO ASTM CODE | REMARKS |
|--------|-----------------------------|--------|-----------------|-------------------------|---------|
| 1101   | CASING RING                 | 4      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1107   | INTER BUSH                  | 3      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1110   | SUCTION CASING              | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1142   | INTER CASING (H-SPRAY)      | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1144   | INTER CASING (NO STG)       | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1148   | INTER CASING (NO STG)       | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1170   | OTHER CASING                | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1180   | CASING COVER                | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1181   | SUCTION COVER               | 3      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1182   | GUIDE WAVE (SERIES)         | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1192   | GUIDE WAVE (LAST STG)       | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1212   | IMPELLER                    | 4      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1221   | SHAFT                       | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1222   | COUPLING NUT                | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1242   | IMPELLER KEY (SERIES)       | 8      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1243   | BALANCE SLEEVE KEY          | 2      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1244   | COUPLING KEY                | 2      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1245   | THRUST COLLAR KEY           | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1252   | INTER SLEEVE (NO 4TH STG)   | 2      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1253   | INTER SLEEVE (NO 5TH STG)   | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1254   | SPRIT RING (SERIES)         | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1255   | SPRIT RING (BALANCE SLEEVE) | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1256   | SPRIT RING (HOLDER)         | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1271   | BALANCE SLEEVE              | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1272   | BALANCE BUSH                | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1281   | THRUST COLLAR               | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1282   | THRUST COLLAR NUT           | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1283   | LOCATING RING               | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1284   | SET RING                    | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1310   | MICROCHEMICAL SEAL          | 2 SETS | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1401   | BEARING HOUSING (NO 1)      | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1402   | BEARING HOUSING (NO 2)      | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1404   | BEARING HOUSING COVER       | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1410   | SIGHT TOWER BOX             | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1418   | PROBE STAND                 | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1421-A | DEFLECTOR (NO 1)            | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1421-B | DEFLECTOR (NO 2)            | 2      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1425   | OIL SEAL RING               | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1426   | OIL SEAL RING RETAINER      | 1      | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1440   | THRUST BEARING              | 1 SET  | ASTM A748 C440  |                         |         |
| 1450   | PAIDING BEARING             | 2 SETS | ASTM A748 C440  |                         |         |

| NOZZLE RATING               |
|-----------------------------|
| SUCTION DN350 SCH 40, BW    |
| DISCHARGE DN350 (D-273), BW |
| R/H SPRAY DN65 SCH 80, BW   |

REFERENCE DRAWING LIST  
- OUTLINE DRAWING FOR MAIN BFP & BFPB :  
- TB2-SDC-VP-103-00-AC-H-1B-DGA-0001  
- P & I DIAGRAM FOR MAIN BFP & BFPB :  
- TB2-SDC-VP-103-00-AC-H-1B-DGA-0001  
- P & I DIAGRAM FOR MAIN BFP & BFPB :  
- TB2-SDC-VP-103-00-AC-H-1B-DGA-0001  
- TB2-SDC-VP-103-00-AC-H-1B-DGA-0001

|                      |
|----------------------|
| TOTAL WEIGHT OF PUMP |
| 12,000 kg            |

| NO. | CLEARANCE (mm)      |
|-----|---------------------|
| A   | 0.164 ~ 0.216 (DAI) |
| B   | 0.52 ~ 0.58 (DAI)   |
| C   | 0.52 ~ 0.58 (DAI)   |
| D   | 0.52 ~ 0.58 (DAI)   |
| E   | 0.11 ~ 0.15 (DAI)   |

FOR FINAL

| NO.    | DESCRIPTION              | QTY | APPLICABLE CODE | EQUIVALENT TO ASTM CODE | REMARKS     |
|--------|--------------------------|-----|-----------------|-------------------------|-------------|
| 1724-A | SPRIT WOUND GASKET       | 1   | SUS304-GRAFH.   |                         | SPECIAL     |
| 1724-B | SPRIT WOUND GASKET       | 1   | SUS304-GRAFH.   |                         | SPECIAL     |
| 1724-C | METAL GASKET             | 1   | SUS304-GRAFH.   |                         | SPECIAL     |
| 1724-D | SPRIT WOUND GASKET       | 1   | SUS304-GRAFH.   |                         | SPECIAL     |
| 1A     | HEX BOLT                 | 16  | JIS S4045       | ASTM A193 GR 97         | INSTR. BCL. |
| 1B     | HEX SOCKET HEAD CAP BOLT | 24  | JIS S4045       | ASTM A193 GR 97         | INSTR. BCL. |
| 1C     | STUD BOLT, NUT           | 8   | JIS S4045       | ASTM A193 GR 97         | INSTR. BCL. |
| 1D     | HEX SOCKET HEAD CAP BOLT | 6   | JIS S4045       | ASTM A193 GR 97         | INSTR. BCL. |
| 1E     | HEX SOCKET HEAD CAP BOLT | 12  | JIS S4045       | ASTM A193 GR 97         | INSTR. BCL. |
| 1F     | HEX SOCKET HEAD CAP BOLT | 4   | JIS S4045       | ASTM A193 GR 97         | INSTR. BCL. |
| 1G     | HEX SOCKET HEAD CAP BOLT | 4   | JIS S4045       | ASTM A193 GR 97         | INSTR. BCL. |

| NO.    | DESCRIPTION  | QTY | APPLICABLE CODE | EQUIVALENT TO ASTM CODE | REMARKS |
|--------|--------------|-----|-----------------|-------------------------|---------|
| 1721-A | LOCATING PIN | 1   | JIS S4045       | ASTM A193 GR 97         |         |
| 1721-B | STUD BOLT    | 12  | JIS S4045       | ASTM A193 GR 97         |         |
| 1721-C | PLAIN WASHER | 12  | JIS S4045       | ASTM A193 GR 97         |         |
| 1721-D | LOCATING PIN | 1   | JIS S4045       | ASTM A193 GR 97         |         |
| 1721-E | C-RING       | 3   | VITON 902       |                         |         |
| 1721-F | C-RING       | 1   | VITON 902       |                         |         |
| 1721-G | C-RING       | 3   | VITON 902       |                         |         |

DOCUMENT REVISION STATUS

| NO. | DESCRIPTION | DATE |
|-----|-------------|------|
| 1   | FOR FINAL   |      |
| 2   | FOR FINAL   |      |
| 3   | FOR FINAL   |      |
| 4   | FOR FINAL   |      |
| 5   | FOR FINAL   |      |
| 6   | FOR FINAL   |      |
| 7   | FOR FINAL   |      |
| 8   | FOR FINAL   |      |
| 9   | FOR FINAL   |      |
| 10  | FOR FINAL   |      |
| 11  | FOR FINAL   |      |

| NO. | DESCRIPTION | DATE |
|-----|-------------|------|
| 1   | FOR FINAL   |      |
| 2   | FOR FINAL   |      |
| 3   | FOR FINAL   |      |
| 4   | FOR FINAL   |      |
| 5   | FOR FINAL   |      |
| 6   | FOR FINAL   |      |
| 7   | FOR FINAL   |      |
| 8   | FOR FINAL   |      |
| 9   | FOR FINAL   |      |
| 10  | FOR FINAL   |      |
| 11  | FOR FINAL   |      |

| NO. | DESCRIPTION | DATE |
|-----|-------------|------|
| 1   | FOR FINAL   |      |
| 2   | FOR FINAL   |      |
| 3   | FOR FINAL   |      |
| 4   | FOR FINAL   |      |
| 5   | FOR FINAL   |      |
| 6   | FOR FINAL   |      |
| 7   | FOR FINAL   |      |
| 8   | FOR FINAL   |      |
| 9   | FOR FINAL   |      |
| 10  | FOR FINAL   |      |
| 11  | FOR FINAL   |      |

| NO. | DESCRIPTION | DATE |
|-----|-------------|------|
| 1   | FOR FINAL   |      |
| 2   | FOR FINAL   |      |
| 3   | FOR FINAL   |      |
| 4   | FOR FINAL   |      |
| 5   | FOR FINAL   |      |
| 6   | FOR FINAL   |      |
| 7   | FOR FINAL   |      |
| 8   | FOR FINAL   |      |
| 9   | FOR FINAL   |      |
| 10  | FOR FINAL   |      |
| 11  | FOR FINAL   |      |

| NO. | DESCRIPTION | DATE |
|-----|-------------|------|
| 1   | FOR FINAL   |      |
| 2   | FOR FINAL   |      |
| 3   | FOR FINAL   |      |
| 4   | FOR FINAL   |      |
| 5   | FOR FINAL   |      |
| 6   | FOR FINAL   |      |
| 7   | FOR FINAL   |      |
| 8   | FOR FINAL   |      |
| 9   | FOR FINAL   |      |
| 10  | FOR FINAL   |      |
| 11  | FOR FINAL   |      |

| NO. | DESCRIPTION | DATE |
|-----|-------------|------|
| 1   | FOR FINAL   |      |
| 2   | FOR FINAL   |      |
| 3   | FOR FINAL   |      |
| 4   | FOR FINAL   |      |
| 5   | FOR FINAL   |      |
| 6   | FOR FINAL   |      |
| 7   | FOR FINAL   |      |
| 8   | FOR FINAL   |      |
| 9   | FOR FINAL   |      |
| 10  | FOR FINAL   |      |
| 11  | FOR FINAL   |      |

| NO. | DESCRIPTION | DATE |
|-----|-------------|------|
| 1   | FOR FINAL   |      |
| 2   | FOR FINAL   |      |
| 3   | FOR FINAL   |      |
| 4   | FOR FINAL   |      |
| 5   | FOR FINAL   |      |
| 6   | FOR FINAL   |      |
| 7   | FOR FINAL   |      |
| 8   | FOR FINAL   |      |
| 9   | FOR FINAL   |      |
| 10  | FOR FINAL   |      |
| 11  | FOR FINAL   |      |

| NO. | DESCRIPTION | DATE |
|-----|-------------|------|
| 1   | FOR FINAL   |      |
| 2   | FOR FINAL   |      |
| 3   | FOR FINAL   |      |
| 4   | FOR FINAL   |      |
| 5   | FOR FINAL   |      |
| 6   | FOR FINAL   |      |
| 7   | FOR FINAL   |      |
| 8   | FOR FINAL   |      |
| 9   | FOR FINAL   |      |
| 10  | FOR FINAL   |      |
| 11  | FOR FINAL   |      |

| NO. | DESCRIPTION | DATE |
|-----|-------------|------|
| 1   | FOR FINAL   |      |
| 2   | FOR FINAL   |      |
| 3   | FOR FINAL   |      |
| 4   | FOR FINAL   |      |
| 5   | FOR FINAL   |      |
| 6   | FOR FINAL   |      |
| 7   | FOR FINAL   |      |
| 8   | FOR FINAL   |      |
| 9   | FOR FINAL   |      |
| 10  | FOR FINAL   |      |
| 11  | FOR FINAL   |      |

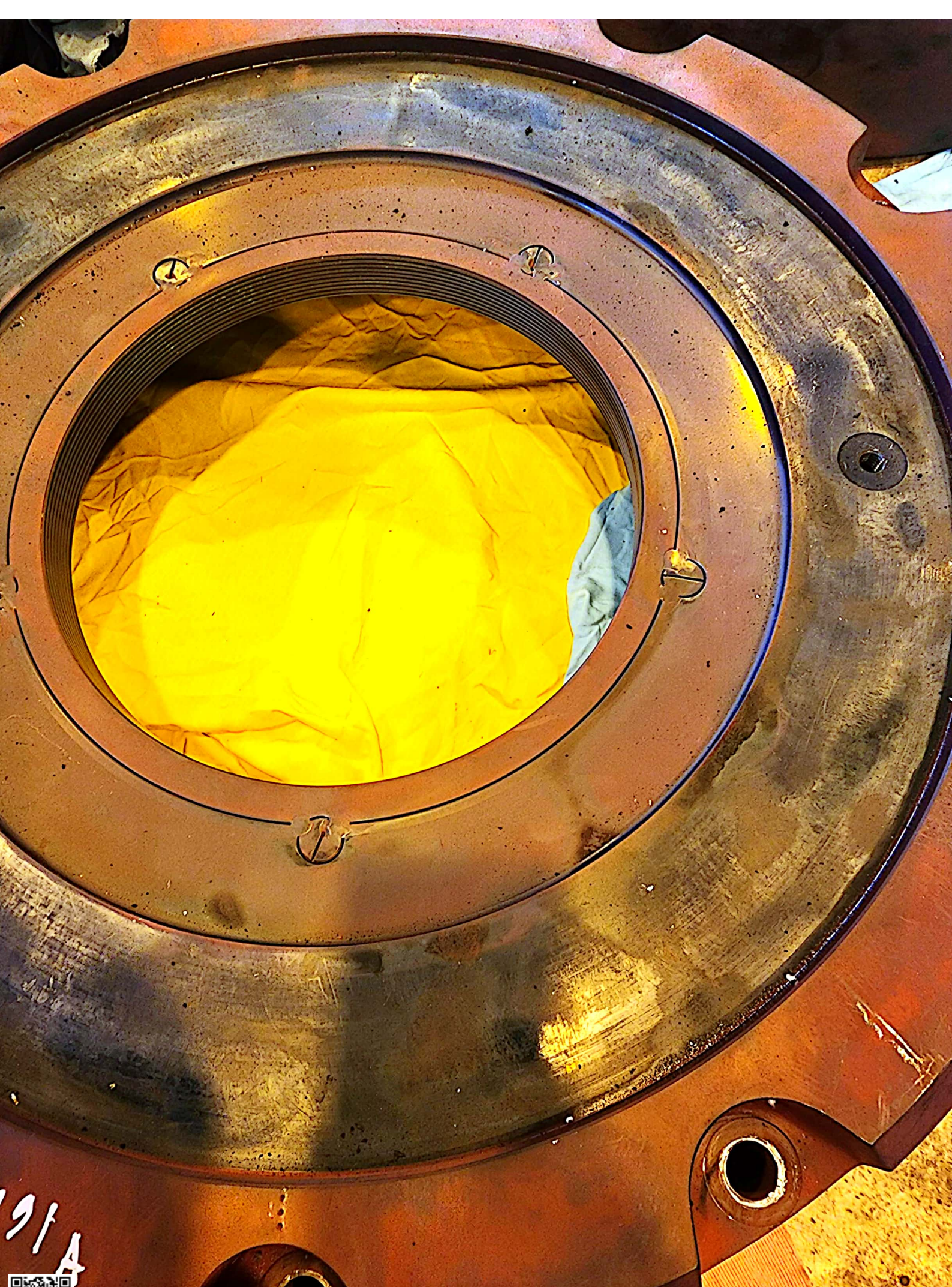
| NO. | DESCRIPTION | DATE |
|-----|-------------|------|
| 1   | FOR FINAL   |      |
| 2   | FOR FINAL   |      |
| 3   | FOR FINAL   |      |
| 4   | FOR FINAL   |      |
| 5   | FOR FINAL   |      |
| 6   | FOR FINAL   |      |
| 7   | FOR FINAL   |      |
| 8   | FOR FINAL   |      |
| 9   | FOR FINAL   |      |
| 10  | FOR FINAL   |      |
| 11  | FOR FINAL   |      |

| NO. | DESCRIPTION | DATE |
|-----|-------------|------|
| 1   | FOR FINAL   |      |
| 2   | FOR FINAL   |      |
| 3   | FOR FINAL   |      |
| 4   | FOR FINAL   |      |
| 5   | FOR FINAL   |      |
| 6   | FOR FINAL   |      |
| 7   | FOR FINAL   |      |
| 8   | FOR FINAL   |      |
| 9   | FOR FINAL   |      |
| 10  | FOR FINAL   |      |
| 11  | FOR FINAL   |      |









91A













